TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2022/DS-ST
Ngày 29 - 7 - 2022
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền Diệu
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thanh Thẩm
2. Ông Hoàng Duy Thanh

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương V

Trụ sở: 198 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Công T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V – Chi nhánh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Anh T1, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: 80 H, Thị trấn Q, huyện C, tỉnh ĐắkLắk. (Văn bản ủy quyền số 966/UQ-ĐLA-PGDQP ngày 15/11/2021)

2. *Bị đơn:* Ông Phan Xuân G, sinh năm 1984 và bà Trần Thị D, sinh năm 1990 (đều vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh ĐăkLăk.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Lê Anh T1 trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương V (gọi tắt là ngân hàng) có cho vợ chồng ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 07/05.20/VL/HĐTD ngày 06/5/2020.

- Ngày giải ngân tiền vay: 06/4/2020;
- Số tiền giải ngân: 130.000.000 đồng;
- Lãi suất 12%/năm, lãi suất thay đổi theo công bố của ngân hàng (bằng lãi suất VND (cùng kỳ hạn 12 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ của ngân hàng (+) biên độ nhưng không thấp hơn sàn lãi suất quy định trong cùng thời kỳ). Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay, mục đích vay chăm sóc và trồng mới cây cà phê.
- Thời hạn trả nợ, phương thức trả nợ: Lãi trả 03 tháng/ lần, ngày trả lãi đầu tiên 06/8/2020; Vốn gốc được trả 12 tháng/ lần, chia làm 05 kỳ, mỗi kỳ trả 26.000.000 đồng, kỳ trả gốc đầu tiên 06/5/2021.
- Tình trạng khoản nợ: Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông G và bà D đã thanh toán được 1.127.276 đồng tiền gốc và 11.235.205 đồng tiền lãi suất phát sinh. Ông G và bà D đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc cho kỳ đầu tiên ngày 06/5/2021 và lãi suất, ngân hàng đã chấm dứt Hợp đồng tín dụng và thông báo thu hồi nợ đối với toàn bộ khoản vay. Tổng số tiền phải trả phát sinh theo Hợp đồng đến ngày 27/7/2022 là 148.604.870 đồng, trong đó: tiền vốn gốc là 128.872.724 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 18.003.325 đồng, tiền lãi theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất hợp đồng vay) là 1.724.821 đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông G và bà D đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 62 diện tích 266m2, địa chỉ tại xã EaKiết, huyện CưM’gar, tỉnh Đăk Lăk, theo Giấy chứng nhận số BR 559087 do UBND huyện ĈưM'gar cấp ngày 11/12/2013 cho ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D. Theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 42/05.18/VL/HĐTC.TS ngày 31/5/2018. Giao dịch thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện CưM’gar.

Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông G và bà D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 148.604.870 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 128.872.724 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 18.003.325 đồng, tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 1.728.821 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 28/7/2022 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 07/05.20/VL/HĐTD ngày 06/5/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp vợ chồng ông G và bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản đã thế chấp của ông G và bà D để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông G đều có mặt tại Tòa án làm việc và đồng ý trả nợ cho ngân hàng, nếu không trả được nợ thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Trần Thị D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, không công khai chứng cứ và hòa giải giữa ngân hàng với bà D được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Tuân theo đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Phan Xuân G, bà Trần Thị D chưa thực hiện đầy đủ quy định về quyền, nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 317; Điều 318; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phan Xuân G, bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ngoại thương V số tiền vay gốc là 128.872.724 đồng và tiền lãi đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng. Nếu vợ chồng ông G và bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Ông Phan Xuân G, bà Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền đã vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp

huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Phan Xuân G, bà Trần Thị D nhưng ông G và bà D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt ông G và bà D là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội D:

[3.1] Về số nợ: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

Ông Phan Xuân G, bà Trần Thị D có vay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số số 07/05.20/VL/HĐTD ngày 06/5/2020 vay 130.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay, lãi suất vay theo thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 12%/năm, trả nợ gốc là 12 tháng/ lần; trả nợ lãi là 03 tháng/1 lần.

Từ ngày vay cho đến kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 07/05.20/VL/HĐTD ngày 06/5/2020 ông G và bà D đã trả được 1.127.276 đồng tiền gốc và 11.235.205 đồng tiền lãi trong hạn, còn lại đến nay chưa trả được khoản tiền gốc và lãi suất nào theo thỏa thuận cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo yêu cầu trả nợ.

Xét hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện. Việc ông G và bà D không trả nợ cho Ngân hàng khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu bên vay trả toàn bộ số nợ đã vay theo quy định tại mục 10.1.1 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, cần buộc ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D trả nợ toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cụ thể: Tính đến ngày 27/7/2022 ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng số tiền 148.604.870 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 128.872.724 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 18.003.325 đồng, tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 1.728.821 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 28/7/2022 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 07/05.20/VL/HĐTD ngày 06/5/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc cho đến khi ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D trả xong nợ.

[3.2] Về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay 130.000.000 đồng, ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 62 diện tích 266m2, địa chỉ tại xã Eakiết, huyện CưM’gar, tỉnh Đăk Lăk, theo Giấy chứng nhận số BR

559087 do UBND huyện ĐưM'gar cấp ngày 11/12/2013 cho ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D. Theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 42/05.18/VL/HĐTC.TS ngày 31/5/2018, biên bản làm việc ngày 06/5/2020. Giao dịch thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện Cư M'gar.

Trong trường hợp ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của ông G và bà D.

Trường hợp ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông G và bà D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số BR 559087 do UBND huyện ĐưM'gar cấp ngày 11/12/2013 cho ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D.

Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D đã thuận tình ly hôn, không yêu cầu giải quyết về nợ chung. Hợp đồng tín dụng số 07/05.20/VL/HĐTD ngày 06/5/2020 của ngân hàng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông G và bà D, hiện nay ông G và bà D không còn là vợ chồng. Vì vậy, cần buộc ông G và bà D liên đới trả nợ cho ngân hàng và chịu các khoản chi phí tố tụng là phù hợp với Điều 27, 37 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu xem xét thẩm định của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D liên đới phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 1.500.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định sau khi thu được từ ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả. Cụ thể: 148.604.870 x 5% = 7.430.000 đồng (đã làm tròn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 318; Điều 319; Điều 325; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ

chức tín dụng; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương V

Buộc ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương V số tiền 148.604.870 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 128.872.724 đồng, tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 18.003.325 đồng, tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 1.728.821 đồng. Ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 07/05.20/VL/HĐTD ngày 06/5/2020 đối với khoản nợ gốc 128.872.724 đồng từ ngày 28/7/2022 cho đến khi trả xong nợ.

Sau khi ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D trả nợ xong cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại bản chính cho ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D tài sản đã thế chấp là: Giấy chứng nhận số BR 559087 do UBND huyện ĈưM'gar cấp ngày 11/12/2013 cho ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D.

Trường hợp ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 62, diện tích 266m2, địa chỉ tại xã Eakiết, huyện CưM’gar, tỉnh Đăk Lăk, theo Giấy chứng nhận số BR 559087 do UBND huyện ĈưM'gar cấp ngày 11/12/2013 cho ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D.

Về án phí: Ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D liên đới phải chịu 7.430.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương V được nhận lại 3.474.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM’gar theo biên lai thu số 60AA/2021/0007817 ngày 30/11/2021.

Chi phí tố tụng khác: Phan Xuân G và bà Trần Thị D có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương V 1.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại

Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu